

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2019/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 07 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ **Anh Nguyễn Trung Kh**, sinh năm 1986;

- Địa chỉ: đội 7, thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Q.

+ **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990;

- Địa chỉ: đội 14, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Kh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Q vào ngày 17/02/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung giữa anh Kh và chị L xảy ra mâu thuẫn với lý do anh Kh thâm lạm vào cờ bạc, không lo xây dựng kinh tế gia đình, chị L cũng như gia đình hai bên đã động viên và khuyên anh Kh nhiều lần nhưng anh không bỏ được, từ đó chị L quyết định không sống với anh Kh nữa, dẫn hai con về nhà cha mẹ để ở từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa chị L và anh Kh không thể hàn gắn được, hai bên xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L và anh Kh yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu

thuần giữa chị L và anh Kh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Giữa chị L và anh Kh có hai con chung là Nguyễn Thị Cẩm U, sinh ngày 05/10/2006 và Nguyễn Cẩm D, sinh ngày 24/7/2013. Trong quá trình sống chung cũng như hiện nay, hai con do chị L trực tiếp chăm sóc, hiện nay hai con đang học hành ổn định tại xã B, cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ, hai bên thỏa thuận giao cho chị L tiếp tục nuôi hai con, chị L chưa yêu cầu cấp dưỡng. Sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Trung Kh và chị Nguyễn Thị L.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung Kh và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao hai cháu Nguyễn Thị Cẩm U, sinh ngày 05/10/2006 và Nguyễn Cẩm D, sinh ngày 24/7/2013 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Trung Kh có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Trung Kh và chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị L, anh Kh đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002565, ngày 14/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Phong